

Số: 173 /QĐ-ĐHKT-SDH

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-ĐHKT-SDH ngày 21/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-ĐHKT-SDH ngày 08/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc Thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021 (lần 2) ngày 14 / 10 /2021;

Xét đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận các thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Khoa Sau đại học thông báo kết quả trúng tuyển và làm thủ tục nhập học cho thí sinh trúng tuyển theo quy định hiện hành.

Điều 3: Trường khoa Sau đại học, Trường phòng Tài chính - Kế toán, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu VT; SDH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Quân

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2021

Khoa 2021-2023 đào tạo tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

*Kèm theo Quyết định số 173 ngày 14 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội*

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Công Bằng	Nam	05/07/1996	Kiến trúc	
2	Trần Ngọc Đăng	Nam	09/02/1998	Kiến trúc	
3	Nguyễn Văn Đoàn	Nam	25/08/1997	Kiến trúc	
4	Hoàng Trung Đông	Nam	15/12/1998	Kiến trúc	
5	Trần Khánh Đức	Nam	20/10/1998	Kiến trúc	
6	Phạm Thế Dũng	Nam	18/10/1983	Kiến trúc	
7	Nguyễn Hữu Hải	Nam	11/12/1994	Kiến trúc	
8	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	03/12/1997	Kiến trúc	
9	Trần Trung Hiếu	Nam	08/03/1995	Kiến trúc	
10	Đinh Nhật Hoàng	Nam	03/06/1994	Kiến trúc	
11	Hoàng Phi Hùng	Nam	03/09/1994	Kiến trúc	
12	Trần Quốc Huy	Nam	08/06/1979	Kiến trúc	
13	Nghiêm Bảo Khánh	Nam	21/05/1998	Kiến trúc	
14	Nguyễn Thế Kiên	Nam	27/02/1997	Kiến trúc	
15	Bùi Thị Ngọc Lâm	Nữ	31/01/1998	Kiến trúc	
16	Nguyễn Hà Linh	Nam	10/12/1996	Kiến trúc	
17	Nguyễn Văn Linh	Nam	02/10/1995	Kiến trúc	
18	Lê Danh Mạnh	Nam	06/01/1996	Kiến trúc	
19	Nguyễn Văn Nhất	Nam	16/07/1991	Kiến trúc	
20	Mai Tiến Phong	Nam	07/09/1979	Kiến trúc	
21	Lê Bá Thái Quyền	Nam	18/10/1998	Kiến trúc	
22	Nguyễn Văn Thành	Nam	19/05/1994	Kiến trúc	
23	Nguyễn Ngọc Thu Thảo	Nữ	18/12/1998	Kiến trúc	
24	Phan Đình Trọng	Nam	27/07/1998	Kiến trúc	
25	Hà Minh Tuấn	Nam	14/12/1997	Kiến trúc	
26	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	11/09/1995	Kiến trúc	
27	Phạm Đức Anh	Nam	20/08/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
28	Trương Thị Thanh Diễm	Nữ	06/12/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
29	Lê Ngọc Hiếu	Nam	17/08/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
30	Nguyễn Sĩ Hiếu	Nam	12/11/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
31	Trần Thị Thu Hương	Nữ	22/02/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
32	Trần Thuý Linh	Nữ	21/01/1996	Quy hoạch vùng và đô thị	
33	Trần Đức Minh	Nam	11/05/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
34	Nguyễn Hằng Nga	Nữ	05/10/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
35	Lưu Đức Quang	Nam	09/01/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
36	Nguyễn Ngọc Sơn	Nam	26/06/1993	Quy hoạch vùng và đô thị	
37	Hoàng Lê Trung	Nam	17/11/1995	Quy hoạch vùng và đô thị	
38	Phạm Đình Biền	Nam	16/11/1981	Quản lý đô thị và công trình	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
39	Đỗ Xuân Đạt	Nam	07/06/1998	Quản lý đô thị và công trình	
40	Phạm Tuấn Đạt	Nam	21/03/1998	Quản lý đô thị và công trình	
41	Bùi Mỹ Đức	Nam	25/08/1998	Quản lý đô thị và công trình	
42	Phạm Kiên Đức	Nam	18/12/1998	Quản lý đô thị và công trình	
43	Tổng Minh Đức	Nam	01/12/1994	Quản lý đô thị và công trình	
44	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	04/11/1998	Quản lý đô thị và công trình	
45	Trần Ngọc Dũng	Nam	15/09/1998	Quản lý đô thị và công trình	
46	Trần Việt Dũng	Nam	31/03/1990	Quản lý đô thị và công trình	
47	Lâm Hoàng Hải	Nam	24/02/1998	Quản lý đô thị và công trình	
48	Vũ Minh Hải	Nam	29/05/1997	Quản lý đô thị và công trình	
49	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	09/02/1983	Quản lý đô thị và công trình	
50	Nguyễn Quang Hiền	Nam	26/10/1998	Quản lý đô thị và công trình	
51	Vì Thái Hoàn	Nam	20/08/1979	Quản lý đô thị và công trình	
52	Trần Lê Huy Hoàng	Nam	15/10/1998	Quản lý đô thị và công trình	
53	Lê Thu Hồng	Nữ	08/09/1997	Quản lý đô thị và công trình	
54	Nguyễn Thị Như Huế	Nữ	17/04/1998	Quản lý đô thị và công trình	
55	Nguyễn Trần Quốc Hùng	Nam	07/10/1996	Quản lý đô thị và công trình	
56	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	03/12/1998	Quản lý đô thị và công trình	
57	Vũ Thị Huyền	Nữ	26/05/1997	Quản lý đô thị và công trình	
58	Mai Trung Kiên	Nam	18/12/1998	Quản lý đô thị và công trình	
59	Nguyễn Trung Kiên	Nam	17/10/1998	Quản lý đô thị và công trình	
60	Hoàng Thị Liên	Nữ	10/02/1988	Quản lý đô thị và công trình	
61	Mai Văn Mạnh	Nam	09/07/1997	Quản lý đô thị và công trình	
62	Nguyễn Minh	Nam	25/10/1995	Quản lý đô thị và công trình	
63	Trần Ngọc Minh	Nữ	26/09/1998	Quản lý đô thị và công trình	
64	Trần Thị Ánh Nguyệt	Nữ	16/08/1981	Quản lý đô thị và công trình	
65	Trần Vượng Phúc	Nam	05/05/1995	Quản lý đô thị và công trình	
66	Phạm Thúy Quỳnh	Nữ	26/09/1996	Quản lý đô thị và công trình	
67	Hồ Chí Sơn	Nam	18/03/1984	Quản lý đô thị và công trình	
68	Lê Minh Sơn	Nam	18/09/1997	Quản lý đô thị và công trình	
69	Tạ Thị Thu Thảo	Nữ	06/05/1998	Quản lý đô thị và công trình	
70	Nguyễn Xuân Thuý	Nam	18/09/1985	Quản lý đô thị và công trình	
71	Nguyễn Văn Trí	Nam	15/11/1997	Quản lý đô thị và công trình	
72	Nguyễn Hữu Triều	Nam	20/02/1996	Quản lý đô thị và công trình	
73	Hoàng Lê Trung	Nam	25/11/1997	Quản lý đô thị và công trình	
74	Phạm Hà Trung	Nam	15/04/1996	Quản lý đô thị và công trình	
75	Hoàng Anh Tú	Nam	09/11/1998	Quản lý đô thị và công trình	
76	Lê Văn Tường	Nam	30/12/1982	Quản lý đô thị và công trình	
77	Phạm Trường Vũ	Nam	20/04/1998	Quản lý đô thị và công trình	
78	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	11/10/1988	Kỹ thuật xây dựng	
79	Tạ Thị Ngọc Anh	Nữ	12/10/1993	Kỹ thuật xây dựng	
80	Vũ Quốc Đạt	Nam	21/08/1993	Kỹ thuật xây dựng	
81	Tạ Quang Nhật	Nam	05/10/1997	Kỹ thuật xây dựng	
82	Nguyễn Trung Sơn	Nam	05/10/1997	Kỹ thuật xây dựng	
83	Cao Minh Tâm	Nam	01/04/1998	Kỹ thuật xây dựng	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
84	Phan Công Thành	Nam	08/05/1998	Kỹ thuật xây dựng	
85	Ta Văn Thao	Nam	12/07/1973	Kỹ thuật xây dựng	
86	Phạm Đình Thịnh	Nam	07/04/1996	Kỹ thuật xây dựng	
87	Nguyễn Sơn Thủy	Nam	29/08/1998	Kỹ thuật xây dựng	

Tổng số: 87 thí sinh

Hà Nội, ngày ~~14~~ tháng ~~10~~ năm 2021

Trong đó:

- * Kiến trúc: 26 người (Từ số 01 ->26)
- * Quy hoạch vùng: 11 người (Từ 27 ->37)
- * Quản lý đô thị và công trình: 40 người (Từ 38->77)
- * Kỹ thuật xây dựng: 10 người (Từ 78->87)

Nguyễn Sơn Thủy